

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HSST

Ngày: 03-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Ông Nguyễn Trần Hoàng Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc tiến hành xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST - HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quang P**, sinh ngày 04/4/1983.

Nơi thường trú: **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An**; Nghề nghiệp: phụ xé; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Công T** và bà **Nguyễn Thị N**; Bản thân có vợ tên **Nguyễn Thị Kim T1**, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: Quyết định số 69/QĐ-XPHC, ngày 15/08/2023, bị Chủ tịch **ủy ban nhân dân xã L, huyện C** xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Sơn **Huỳnh A P1**, sinh năm: 2001 (có mặt).

Cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ **Công ty trách nhiệm hữu hạn X**.

Địa chỉ: **F Đường số F, phường B, thành phố T, TP .**

Người đại diện theo ủy quyền: **Lê Hoàng N1**, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Cư trú: **ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long** (Giấy ủy quyền ngày 19/02/2024).

2/ **Nguyễn Thị Ánh N2**, sinh năm: 1981 (có mặt).

Cư trú: **ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

3/ **Đỗ Hồng A**, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 24/02/2024, **Nguyễn Quang P** là đối tượng đã bị xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” đột nhập vào công trình xây dựng **nhà máy N4** có địa chỉ ở **đường K thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An** do **Công ty trách nhiệm hữu hạn X** thi công để lấy trộm 12 (mười hai) cây sắt vuông 5cm dài từ 0,73m đến 1,3m; 01 (một) cây sắt hộp chữ nhật có kích thước (3,7cm x 7,7cm x 1,46m), tất cả đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét, có tổng trọng lượng là 36 kg. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội **Nguyễn Quang P** bị anh **Lê Hoài N3** là quản lý công trình và anh **S Huỳnh A P1** là thủ kho công trình phát hiện, trình báo đến **Công an xã T**.

Bản kết luận định giá số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 12 (mười hai) cây sắt vuông 5cm dài từ 0,73m đến 1,3m; 01 (một) cây sắt hộp chữ nhật có kích thước (3,7cm x 7,7cm x 1,46m), tổng trọng lượng là 36 kg có giá trị là 299.000đ (hai trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Quá trình điều tra, **P** còn thừa nhận bằng thủ đoạn tương tự đã 04 (bốn) lần thực hiện trộm cắp tài sản tại công trình xây dựng này, cụ thể như sau:

- **Lần thứ 1**: Ngày 13/02/2024, lấy trộm 12 (mười hai) cây sắt tròn dài khoảng 1,5 m và 07 (bảy) cây sắt vuông có kích thước (5cm x 5cm x 3m), tất cả đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét và có tổng trọng lượng là 118,5 kg. **P** đem bán tại tiệm thu mua phế liệu của anh **Đỗ Hồng A** có địa chỉ tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An** được số tiền 829.000đ (tám trăm hai mươi chín ngàn đồng), đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 12 (mười hai) cây sắt tròn dài khoảng 1,5 m và 07 (bảy) cây sắt vuông có kích thước 5cm, dài 3 m có giá trị là 984.000đ (chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

- **Lần thứ 2:** Ngày 14/02/2024, lấy trộm 09 (chín) cây sắt gồm: 05 (năm) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m và 04 (bốn) cây sắt tròn dài khoảng 1,5m, tất cả đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét và có tổng trọng lượng là 70 kg. **P** đem bán cho anh **A** được 490.000đ (bốn trăm chín mươi ngàn đồng), đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 05 (năm) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m và 04 (bốn) cây sắt tròn dài khoảng 1,5m có giá trị là 581.000đ (năm trăm tám mươi một ngàn đồng).

- **Lần thứ 3:** Ngày 17/02/2024, lấy trộm 13 (mười ba) cây sắt gồm: 05 (năm) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m và 08 (tám) cây sắt tròn dài khoảng 1,5m, tất cả đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét và có tổng trọng lượng là 95 kg. **P** đem bán cho anh **A** được 665.000đ (sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 05 (năm) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m và 08 (tám) cây sắt tròn dài khoảng 1,5m có giá trị là 789.000đ (bảy trăm tám mươi chín ngàn đồng).

- **Lần thứ 4:** Ngày 18/02/2024, lấy trộm 11 (mười một) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m, tất cả đều đã qua sử dụng, bị rỉ sét và có tổng trọng lượng là 80 kg. **P** đem bán cho anh **A** được 560.000đ (năm trăm sáu mươi ngàn đồng), đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận: 11 (Mười một) cây sắt tròn dài khoảng 2,5m có giá trị là 664.000đ (sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà **P** trộm các ngày 13, 14/02/2024; 17, 18/02/2024 và 24/02/2024 là 3.317.000 đồng (ba triệu ba trăm mười bảy ngàn đồng).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/QĐ-VKSCG, ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Quang P** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tang vật: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra có tạm giữ và hoàn trả cho bị hại anh **S Huỳnh A P1**: 12 (mười hai) cây sắt vuông có kích thước 5cm dài từ 0,73m đến 1, 73m; 01 (một) cây sắt hộp chữ nhật có kích thước (3,7cm x 7,7 cm x 1,46m) và 07 (bảy) cây sắt vuông có kích thước 5cm dài 3m do là tài sản hợp pháp của anh **P1**, hoàn trả chị **Nguyễn Thị Ánh N2**: 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, BS: 61N6-7142 do là tài sản hợp pháp của chị **N2**, là phù hợp nên đề nghị không xem xét.

Về dân sự: chị **N2** là chị bị cáo **P** đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.316.000đ, hiện bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập đến. Anh **Đỗ Hoàng A1** không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại tiền là giá trị số sắt bị Cơ quan cảnh sát điều tra thu hồi, chị **Nguyễn Thị Ánh N2** không yêu cầu về số tiền 3.316.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo, nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào các ngày 13, 14/02/2024; 17, 18/02/2024 và 24/02/2024 bị cáo **P** đã 05 (năm) lần đột nhập vào công trình xây dựng nhà máy nhựa TRUSWEL do **Công ty trách nhiệm hữu hạn X** thi công để lấy trộm sắt của công trình. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo **P** chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C** kết luận trị giá 3.317.000 đồng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, ngoài ra xét về nhân thân theo Quyết định số 69/QĐ-XPHC, ngày 15/08/2023, của Chủ tịch **ủy ban nhân dân xã L, huyện C** xử phạt hành chính bị cáo **P** về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 2.500.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo có một tiền sự về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và đã năm lần thực hiện hành vi trộm cắp nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; đã tự thú khai nhận những lần phạm tội trước đó; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị hại tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt chính là phạt tù đối với bị cáo cũng đủ răn đe nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với anh **Đỗ Hồng A** vào các ngày 13, 14/02/2024, 17, 18/02/2024 có hành vi mua sắt phế liệu do bị cáo **P** bán, nhưng anh **A** hoàn toàn không biết đây là tài sản do **P** phạm tội mà có. Vì vậy hành vi của anh **A** không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tang vật thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ và hoàn trả cho bị hại **Son Huỳnh A P2**: 12 (mười hai) cây sắt vuông có kích thước 5cm dài từ 0,73m đến 1,73m; 01 (một) cây sắt hộp chữ nhật có kích thước (3,7cm x 7,7 cm x 1,46m) và 07 (bảy) cây sắt vuông có kích thước 5cm dài 3m, do là tài sản hợp pháp của **Công ty X** giao cho anh **P2** quản lý và anh **P2** phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty, nếu để mất mát xảy ra, là phù hợp. Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, BS: 61N6-7142, bị cáo **P** sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 24/02/2024, do **Phùng Trần V**, cư trú **A C, D, Bình Dương** đứng tên, nhưng là tài sản hợp pháp của chị **Nguyễn Thị Ánh N2**, do chị **N2** mua vào ngày 07/5/2023 tại cửa hàng bán xe máy cũ **Q**, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho chị **N2**, là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh **P2** trình bày là đã nhận số tiền 3.316.000 đồng từ chị **N2** là chị bị cáo **P** bồi thường và hiện không yêu

cầu, nên không xem xét, chỉ N2 cũng không yêu cầu gì về số tiền 3.316.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo, nên không xem xét. Anh Đỗ Hoàng A1 tại phiên tòa vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (bút lục số 159 - 160) không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại tiền là giá trị số sắt bị Cơ quan cảnh sát điều tra thu hồi, nên không xem xét.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quang P 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/4/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (03/5/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

NGUYỄN ĐỨC BẢO

